

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 12/10/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Lan Phương

Các thẩm phán: Ông Hà Huy Hùng
Ông Lê Quốc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa: Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLPT- HNGĐ ngày 28/8/2018, về việc: “Ly hôn,”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DSST ngày 16/7/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 52/2018/QĐ-PT, ngày 01/10/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị D - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Anh C - Sinh năm 1977.

HKTT: Số B, đường N, phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số H, đường L, phường Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn chị D trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2017 tại UBND phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chênh lệch về tuổi tác nên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Khi chị sinh con không được chồng quan tâm, chăm sóc và không cho nghỉ ngơi theo chế độ của người sau sinh. Do không chịu đựng được cách cư xử của chồng nên chị đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2018. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị D xác định tình cảm giữa chị và anh C không còn, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con C: Chị và anh C có 01 con C là cháu P, sinh ngày 25/01/2018. Hiện nay cháu mới được 06 tháng tuổi. Nguyên vọng của chị D khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 11/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất như ý kiến trình bày của chị D về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh C trình bày: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Sau khi sinh con, chị D và mẹ đẻ có đề xuất và đòi về nhà mẹ đẻ để nghỉ dưỡng và ăn chơi nhưng gia đình anh không đồng ý. Vì thế chị D đã tự ý bế con bỏ nhà đi mà không hỏi ý kiến hay xin phép ai trong gia đình. Gia đình anh đã đến nhà mẹ đẻ chị D để tìm và gọi về nhưng chị D đã trốn tránh không tiếp. Từ ngày 01/3/2018 đến nay chị D vẫn ở nhà mẹ đẻ và chưa quay trở về nhà anh. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh có ý kiến sau: Nếu chị D đồng ý để anh nuôi con thì anh đồng ý ly hôn còn chị D vẫn kiên quyết xin nuôi con thì anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đồng ý cho chị D quay về nhà anh sinh sống.

- Về con chung: Anh thống nhất với chị D về con chung, tên và ngày tháng năm sinh. Nguyên vọng của anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52 ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chị D được ly hôn anh C.

- Về con chung: Công nhận chị D và anh C có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 25/01/2018. Giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.5000.000đ từ kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Giành quyền cho anh C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cháu P đủ 36 tháng tuổi; Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị D và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0005020 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 14/8/2018 anh C có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án Hôn nhân gia đình nói trên vì không đủ căn cứ để giải quyết ly hôn

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh C kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không có căn cứ nên áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS Không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Thành C với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án Hôn nhân gia đình nói trên vì không đủ căn cứ để giải quyết ly hôn.

Xét về hôn nhân: Chị D và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng

chênh lệch tuổi tác nên bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 02 năm 2018 chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau.

Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng chị D và anh C đã không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh C không đồng ý ly hôn không phải vì còn tình cảm với chị D mà chỉ vì con. Ý kiến của anh là đồng ý ly hôn nếu chị D giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, anh C lại không đồng ý cho chị D quay về nhà anh ở vì đã tự ý bỏ đi không xin phép gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D vẫn cương quyết xin ly hôn anh C. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh C không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn anh C.

Kể từ khi xét xử sơ thẩm anh C cũng không có giải pháp gì để xây dựng mục đích hôn nhân nên cấp sơ thẩm xử cho chị D được ly hôn anh C là có căn cứ đúng luật.

Về con chung: Chị D và anh C đều công nhận có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 25/01/2018. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Cháu P đang còn quá nhỏ, mới hơn 09 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con...”*. Tại phiên tòa phúc thẩm chị D xuất trình Giấy chứng nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phúc Thịnh, hiện tại chị D đang công tác tại công ty trên có mức lương chính là 4.500.000đ/tháng và thu nhập khác là 2.625.000đ/tháng nên chị D có đủ điều kiện để chăm sóc con, do đó việc giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D là có căn cứ đúng luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Căn cứ mức sống bình quân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay, anh C có khả năng lao động và có thu nhập nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ 1 tháng của chị D là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị D, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc cháu P đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cháu P đủ 36 tháng tuổi và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Về tài sản: Chị D và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào luật hôn nhân gia đình để xét xử về phần hôn nhân và con cái bản án sơ thẩm nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật, kháng cáo của anh C đề nghị hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52 ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa là không có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

[1] Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chị D được ly hôn anh C.

- Về con C: Công nhận chị D và anh C có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 25/01/2018. Giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.5000.000đ từ kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Giành quyền cho anh C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cháu P đủ 36 tháng tuổi; Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị D và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí phúc thẩm: Anh C phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2016/0005470 ngày 22/8/2018 (anh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hoá,
- UBND phường B,
- Chi cục THA TP Thanh Hóa,
- Các đương sự,
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hoàng Lan Phương